



Trung tâm Công báo
và Tin học
Văn phòng Ủy ban
Nhân dân
03.11.2021 14:34:53
+07:00



Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Ngãi
Tỉnh Quảng Ngãi
03/11/2021
10:53:59

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1625**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **18** tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Sơn Tịnh theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Tịnh tại Công văn số 1638/UBND-KT ngày 01/9/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2890/STC-QLGCS ngày 28/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 341 cơ sở nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Sơn Tịnh; trong đó:

1. Giữ lại tiếp tục sử dụng: 291 cơ sở nhà, đất của 47 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo).
2. Thu hồi: 10 cơ sở nhà, đất của 10 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo).
3. Điều chuyển: 24 cơ sở nhà, đất của 09 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo).
4. Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: 07 cơ sở nhà, đất của 05 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chi tiết tại phụ lục số 04 kèm theo).
5. Tạm giữ tiếp tục sử dụng: 09 cơ sở nhà, đất của 06 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chi tiết tại phụ lục số 05 kèm theo).

Điều 2. Phương án sắp xếp lại, xử lý từng cơ sở nhà, đất tại Điều 1 Quyết định này thay thế cho biện pháp xử lý cơ sở nhà, đất theo Kết luận thanh tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh nếu có khác nhau.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Sơn Tịnh chịu trách nhiệm:

a) Thực hiện Phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất tại Điều 1 Quyết định này; thông báo (bằng văn bản) và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng đúng mục đích các cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Xử lý dứt điểm các vướng mắc liên quan đến các cơ sở nhà, đất theo Kết luận thanh tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh.

b) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tiếp tục rà soát, báo cáo bổ sung các cơ sở nhà, đất được giao quản lý, sử dụng nhưng chưa được báo cáo, kê khai trong Phương án sắp xếp lại, xử lý tại Điều 1 Quyết định này.

c) Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản thuộc diện thu hồi, bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất vẫn tiếp tục quản lý, bảo quản tài sản đến khi thực hiện xong phương án được phê duyệt.

d) Thực hiện các bước tiếp theo theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các Quyết định xử lý nhà, đất và triển khai các thủ tục tiếp theo theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành rà soát, chấm dứt ngay việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc sử dụng vào các mục đích khác không đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KT.403

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên

Phụ lục số 01

HÌNH THỨC: GIỮ LẠI TIẾP TỤC SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số ~~1625~~ /QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Đất (m ²)	Diện tích		Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sản sử dụng	5	6	7	8	9
A	CƠ QUAN NHÀ NƯỚC								
1	Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện Sơn Tịnh (mới)/ thôn Hà Tây, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	50.251,5	4.073,0	10.752,0	Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh. Thửa đất số 1708, tờ bản đồ 14 (bản đồ năm 2018)	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện								
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện/ Số 866, Võ Nguyên Giáp, xã Tịnh Ân Tây, thành phố Quảng Ngãi	2.387,0	302,0	302,0	Giấy CNQSDĐ số T00067QSDĐ/66 8/QĐ-UB	Cơ sở HDSN	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Hợp nhất theo QĐ 2106/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện (Trạm trồng trọt và BVTV)/ Số 870, Võ Nguyên Giáp, xã Tịnh Ân Tây, thành phố Quảng Ngãi	638,0	150,0	150,0	Có giấy CNQSDĐ số 00001 QSDĐ/3078/QĐ-CT	Cơ sở HDSN	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện (Trạm chăn nuôi và thú y)/ Số 868, Võ Nguyên Giáp, xã Tịnh Ân Tây, thành phố Quảng Ngãi	416,0	100,0	100,0	Có giấy CNQSDĐ số T00086 QSDĐ/1279/QĐ-CT	Cơ sở HDSN	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sàn sử dụng	5	6	7	8	9
3	Hội chữ thập đỏ huyện / Tổ dân phố Trường Thọ Tây A, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	421,1	416,5	290,0	Thửa đất số 171, 172 tờ bản đồ số 14. Công văn số 623/UB ngày 05/4/2004 của UBND tỉnh	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
B	UBND CÁC XÃ								
I	UBND xã Tịnh Giang								
1	Trụ sở UBND xã/ thôn Cù Và, Xã Tịnh Giang	1.625,0	530,0	860,0	Có giấy CNQSDĐ số: CT 02429	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà văn hóa xã/ thôn Cù Và, Xã Tịnh Giang	1.940,7	300,0	300,0	Thửa đất số 8, tờ bản đồ 18 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà văn hóa thôn/ thôn An Hòa, xã Tịnh Giang	1.513,0	150,0	150,0	Có giấy CNQSDĐ số: CT 02430	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Nhà văn hóa thôn/ thôn An Kim, xã Tịnh Giang	1.008,0	150,0	150,0	Có giấy CNQSDĐ số: CT 02435	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn/ thôn Cù Và xã Tịnh Giang	563,0	150,0	150,0	Có giấy CNQSDĐ số: CT 02437	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà văn hóa thôn/ thôn Đồng Hòa, xã Tịnh Giang	966,0	150,0	150,0	Có giấy CNQSDĐ số: CT 02433	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà văn hóa thôn/ thôn Phước Thọ, xã Tịnh Giang	524,0	150,0	150,0	Có giấy CNQSDĐ số: CT 02431	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng		5	6	7	8	9	
8	Sân vận động/ thôn An Hòa	9.422,1			Thửa đất số 1095, tờ bản đồ 12 (bản đồ 2018)	Đất cơ sở Thẻ dục - thẻ thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
9	Sân vận động/ thôn An Kim	3.434,0			Có giấy CNQSDĐ số: CT 02436	Đất cơ sở Thẻ dục - thẻ thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
10	Sân vận động/ thôn Cù Và	3.185,0			Có giấy CNQSDĐ số: CT 02438	Đất cơ sở Thẻ dục - thẻ thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
11	Sân vận động/ thôn Đông Hòa	3.187,0			Có giấy CNQSDĐ số: CT 02434	Đất cơ sở Thẻ dục - thẻ thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
12	Sân vận động/ thôn Phước Thọ	4.103,0			Có giấy CNQSDĐ số: CT 02432	Đất cơ sở Thẻ dục - thẻ thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
13	Khu thể thao xã/ thôn Cù Và	3.406,0			Thửa đất số 949,930,994,995,107,1005,1006,1058, tờ bản đồ 18 (bản đồ 2018)	Đất cơ sở Thẻ dục - thẻ thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
II	UBND xã Tịnh Đông									
1	Trụ sở UBND xã/ thôn Đồng Nhơn Bắc	5.766,0	1.037,7	1.037,7	Giấy CNQSDĐ số T 00028	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
2	Sân vận động/ thôn Đồng Nhơn Bắc	10.909,0			QĐ giao đất số 494/QĐ-UBND tỉnh Q.Ngãi ngày 18/8/2020	Đất cơ sở Thẻ dục - thẻ thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sàn sử dụng	5	6	7	8	9
3	Sân vận động/ thôn An Bình	6.990,0			Thừa đất số 410, tờ bản đồ số 16, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Sân vận động/ thôn Đồng Nhơn Bắc	4.043,0			Thừa đất số 55, tờ bản đồ số 17, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Sân vận động/ thôn Tân Phước	8.952,0			Thừa đất số 20, tờ bản đồ số 29, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Sân vận động/ thôn Đồng Nhơn Nam	4.197,0			Thừa đất số 456, tờ bản đồ số 16, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Sân vận động/ thôn Hưng Nhượng Bắc	5.340,0			Thừa đất số 850, tờ bản đồ số 12, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Sân vận động/ thôn Tân An	5.915,0			Thừa đất số 950, tờ bản đồ số 09, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Sân vận động/ thôn Hưng Nhượng Nam	4.020,0			Thừa đất số 156, tờ bản đồ số 24, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà văn hóa thôn/ thôn Đồng Nhơn Nam	1.362,0	123,5	123,5	Giấy CNQSDĐ số T00754	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà văn hóa thôn/ thôn Đồng Nhơn Bắc	1.605,0	123,5	123,5	Giấy CNQSDĐ số T00111	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà văn hóa thôn, Đội 6/ thôn Hưng Nhượng Bắc	2.379,0	123,5	123,5	Giấy CNQSDĐ số CT 01895	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Nhà văn hóa thôn/ thôn Tân An	1.242,0	120,0	120,0	Giấy CNQSDĐ số T 00112	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9	
14	Nhà văn hóa thôn/ thôn An Bình	1.171,0	123,5	123,5	Thửa đất số 261, 320 tờ bản đồ số 16, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
15	Nhà văn hóa thôn/ thôn Tân Phước	1.982,0	123,5	123,5	Thửa đất số 853, tờ bản đồ số 27, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
16	Nhà văn hóa thôn, khu nông trường 25-3/ thôn Hưng Nhượng Bắc	1.000,0	105,7	105,7	Thửa đất số 862, tờ bản đồ số 19, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
III	UBND xã Tỉnh Bắc									
1	Trụ sở UBND/ thôn Minh Mỹ, xã Tỉnh Bắc	3.293,0	1.035,7	467,0	Có GCNQSDĐ số 02427	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
2	Điểm sinh hoạt thôn/ thôn Minh Lộc	4.306,0	200,0	200,0	Thửa đất số 63 tờ bản đồ số 14 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
3	Sân vận động/ thôn Minh Mỹ	8.545,6			Có GCNQSDĐ số 02426	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
4	Sân vận động/ thôn Minh Lộc	4.791,0			Có GCNQSDĐ số 04286	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
5	Sân vận động/ thôn Minh Xuân	3.068,0			Có GCNQSDĐ số 02425	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
IV	UBND xã Tỉnh Minh									
1	Trụ sở UBND xã/ thôn Minh Long	2.746,0	1.028,0	580,0	Có GCNQSDĐ số T 00037	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
2	Nhà văn hóa thôn/ thôn Minh Trung	576,0	211,0	211,0	Có GCNQSDĐ số CT 02467	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
3	Nhà văn hóa thôn/ thôn Minh Thành	1.315,0	155,0	155,0	Có GCNQSDĐ số CT 02462	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú	
		Đất (m2)	Nhà (m2)							
			4a	4b						
1	2	3		DT xây dựng	DT sàn sử dụng	5	6	7	8	9
4	Nhà văn hóa thôn/ thôn Minh Khánh	593,0	225,0	225,0	225,0	Có GCNQSDĐ số 02457	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn/ thôn Minh Long	764,0	234,0	234,0	234,0	Có GCNQSDĐ số 02471	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà sinh hoạt xóm 6/ thôn Minh Long	2.007,0	90,0	90,0	90,0	Có GCNQSDĐ số 02470	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà sinh hoạt xóm 7/ thôn Minh Long	360,0	68,0	68,0	68,0	Có GCNQSDĐ số 02469	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà sinh hoạt xóm 8/ thôn Minh Long	773,0	43,0	43,0	43,0	Thừa đất số 177 tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà sinh hoạt xóm 1/ thôn Minh Thành	504,0	76,0	76,0	76,0	Có GCNQSDĐ số 02463	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà sinh hoạt xóm 3/ thôn Minh Thành	1.243,0	43,0	43,0	43,0	Có GCNQSDĐ CT số 02461	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà sinh hoạt xóm 4/ thôn Minh Khánh	846,0	58,0	58,0	58,0	Có GCNQSDĐ CT số 02460	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà sinh hoạt xóm 5/ thôn Minh Khánh	578,0	40,0	40,0	40,0	Có GCNQSDĐ CT số 02459	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Nhà sinh hoạt xóm 6/ thôn Minh Khánh	1.564,0	47,0	47,0	47,0	Có GCNQSDĐ CT số 02458	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Nhà sinh hoạt xóm 2/ thôn Minh Trung	459,0	52,0	52,0	52,0	Có GCNQSDĐ CT 02466	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Nhà sinh hoạt xóm 3/ thôn Minh Trung	497,0	46,0	46,0	46,0	Có GCNQSDĐ số CT02461	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Nhà sinh hoạt xóm 4/ thôn Minh Trung	225,8	32,0	32,0	32,0	Thừa đất số 965 tờ bản đồ số 2 (bản đồ 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3			5	6	7	8	9	
17	Bưu Điện văn hóa xã/ thôn Minh Trung	191,5	75,0	75,0	Thửa đất số 1293 tờ bản đồ số 10 (bản đồ năm 2018)	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
18	Sân vận động/ thôn Minh Khánh	6.512,0			C6 GCNQSDP CT 02456	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
19	Sân vận động Xóm 2/ thôn Minh Trung	6.115,0			C6 GCNQSDP CT 02465	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
20	Sân vận động/ thôn Minh Thành	6.397,2			Thửa đất số 313 tờ bản đồ số 11 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
21	Sân vận động Xóm 1/ thôn Minh Trung	4.522,4			Thửa đất số 682 tờ bản đồ số 5 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
22	Sân vận động/ thôn Minh Long	5.692,3			Thửa đất số 329 tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
V	UBND xã Tịnh Sơn									
1	Trụ sở UBND xã/ thôn Tây	2.760,0	1.142,2	899,4	C6 GCNQSDP số CT00855	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
2	Trung tâm văn hóa xã/ thôn Đông	2.932,0	480,0	480,0	C6 GCNQSDP số CT00909	TTVH xã	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
3	Nhà văn hóa thôn/ thôn Tây	2.873,3	135,0	135,0	Thửa đất số 417, tờ bản đồ số 17 (bản đồ 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
4	Điểm sinh hoạt Xóm 9/ thôn Tây	740,0	65,0	65,0	C6 GCNQSDP số CT02142	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú	
		Đất (m2)	Nhà (m2)							
			4a	4b						
1	2	3		DT xây dựng	DT sàn sử dụng	5	6	7	8	9
5	Điểm sinh hoạt Xóm 10/ thôn Tây	466,0	70,0	70,0	70,0	Có GCNQSDĐ số CT02141	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Điểm sinh hoạt Xóm 11/ thôn Tây	415,0	50,0	50,0	50,0	Có GCNQSDĐ số CT02140	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Điểm sinh hoạt Xóm 12/ thôn Tây	1.247,0	45,0	45,0	45,0	Có GCNQSDĐ số CT02158	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Điểm sinh hoạt Xóm 13/ thôn Tây	158,0	80,0	80,0	80,0	Có GCNQSDĐ số CT02156	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Điểm sinh hoạt Xóm 14/ thôn An Thọ	639,6	70,0	70,0	70,0	Thửa đất số 1165, tờ bản đồ số 11 (bản đồ 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Điểm sinh hoạt Xóm 15/ thôn An Thọ	268,0	65,0	65,0	65,0	Có GCNQSDĐ số CT02155	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Điểm sinh hoạt Xóm 3/ thôn Đông	270,0	60,0	60,0	60,0	Có GCNQSDĐ số CT02149	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Điểm sinh hoạt Xóm 4/ thôn Đông	122,0	80,0	80,0	80,0	Có GCNQSDĐ số CT02148	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Điểm sinh hoạt Xóm 8/ thôn Đông	357,0	48,0	48,0	48,0	Có GCNQSDĐ số CT02148	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Điểm sinh hoạt Xóm 7/ thôn Đông	251,0	65,0	65,0	65,0	Có GCNQSDĐ số CT02145	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Điểm sinh hoạt Xóm 6/ thôn Đông	634,0	60,0	60,0	60,0	Có GCNQSDĐ số CT 02146	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Điểm sinh hoạt Xóm 5/ thôn Đông	645,0	80,0	80,0	80,0	Có GCNQSDĐ số CT02147	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Điểm sinh hoạt thôn/ thôn Đông	2.923,9	207,0	207,0	207,0	Thửa đất số 602, tờ bản đồ số 18 (bản đồ 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Điểm sinh hoạt Xóm 21/ thôn Diên Niên	1.197,0	80,0	80,0	80,0	Có GCNQSDĐ số CT02151	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9	
19	Điểm sinh hoạt Xóm 20/ thôn Diên Niên	596,0	90,0	90,0	Có GCNQSDĐ số CT02152	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
20	Điểm sinh hoạt Xóm 23/ thôn Diên Niên	167,0	75,0	75,0	Có GCNQSDĐ số CT02150	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
21	Điểm sinh hoạt Xóm 18/ thôn Diên Niên	389,0	65,0	65,0	Có GCNQSDĐ số CT02153	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
22	Điểm sinh hoạt Xóm 16/ thôn Diên Niên	355,0	80,0	80,0	Có GCNQSDĐ số CT01154	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
23	Điểm sinh hoạt Xóm 2/ thôn Bình Thọ	241,0	90,0	90,0	Có GCNQSDĐ số CT02143	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
24	Sân vận động/ thôn Diên Niên	4.724,0			Có GCNQSDĐ số CT02139	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
25	Đất xây dựng Nhà truyền thống/ thôn Tây	496,9			Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
26	Nhà văn hóa thôn/ thôn Diên Niên	1.426,0	219,0	219,0	Có GCNQSDĐ số T00019	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Chung GCNQSDĐ với Trường MN Tịnh Sơn	
VI	UBND xã Tịnh Hiệp									
1	Trụ sở UBND xã/ thôn Mỹ Danh	4.671,0	3.273,3	926,7	Có giấy CNQSDĐ số 010328	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
2	Nhà văn hóa thôn/ thôn Vĩnh Tuy	766,0	96,0	96,0	Thửa đất số 486, tờ bản đồ 15 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
3	Nhà văn hóa thôn/ thôn Hội Đức	1.220,0	96,0	96,0	Thửa đất số 516, tờ bản đồ 28 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
4	Nhà văn hóa thôn/ thôn Phú Sơn	1.000,0	108,0	108,0	Thửa đất số 142, tờ bản đồ 42 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sàn sử dụng	5	6	7	8	9
5	Nhà văn hóa thôn/ thôn Mỹ Danh	947,0	94,5	94,5	Thừa đất số 971, tờ bản đồ 20 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà văn hóa thôn/ thôn Xuân Hòa	3.100,0	96,0	96,0	Thừa đất số 102, tờ bản đồ 54 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Nhà văn hóa thôn/ thôn Xuân Mỹ	2.634,0	96,0	96,0	Thừa đất số 351, tờ bản đồ 45 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Điểm sinh hoạt Xóm 1a / thôn Vĩnh Tuy	200,0	48,0	48,0	Thừa đất số 260, tờ bản đồ 01 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Điểm sinh hoạt Xóm 1b / thôn Vĩnh Tuy	400,0	48,0	48,0	Thừa đất số 222, tờ bản đồ 7 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Điểm sinh hoạt Xóm 2 / thôn Vĩnh Tuy	400,0	48,0	48,0	Thừa đất số 268, tờ bản đồ 15 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Điểm sinh hoạt Xóm 3a / thôn Vĩnh Tuy	317,0	48,0	48,0	Thừa đất số 713, tờ bản đồ 9 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Điểm sinh hoạt Xóm 4a / thôn Vĩnh Tuy	740,0	48,0	48,0	Thừa đất số 207, tờ bản đồ 17 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Điểm sinh hoạt Xóm 4b / thôn Vĩnh Tuy	100,0	48,0	48,0	Thừa đất số 542, tờ bản đồ 16 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Điểm sinh hoạt Xóm 5 / thôn Vĩnh Tuy	218,0	48,0	48,0	Thừa đất số 932, tờ bản đồ 15 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9	
15	Điểm sinh hoạt Xóm 6 / thôn Vĩnh Tuy	223,0	48,0	48,0	Thửa đất số 1152, tờ bản đồ 15 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
16	Điểm sinh hoạt Xóm 2 / thôn Hội Đức	319,0	48,0	48,0	Thửa đất số 233, tờ bản đồ 19 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
17	Điểm sinh hoạt Xóm 4 / thôn Hội Đức	200,0	48,0	48,0	Thửa đất số 1137, tờ bản đồ 29 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
18	Điểm sinh hoạt Xóm 2 / thôn Mỹ Danh	200,0	48,0	48,0	Thửa đất số 69, tờ bản đồ 21 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
19	Điểm sinh hoạt Xóm 3 / thôn Mỹ Danh	317,0	48,0	48,0	Thửa đất số 657, tờ bản đồ 20 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
20	Điểm sinh hoạt Xóm 4 / thôn Mỹ Danh	100,0	48,0	48,0	Thửa đất số 991, tờ bản đồ 24 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
21	Điểm sinh hoạt Xóm 1a / thôn Xuân Mỹ	342,0	48,0	48,0	Thửa đất số 137, tờ bản đồ 44 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
22	Điểm sinh hoạt Xóm 1b / thôn Xuân Mỹ	300,0	48,0	48,0	Thửa đất số 1186, tờ bản đồ 38 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
23	Điểm sinh hoạt Xóm 2 / thôn Xuân Mỹ	1.300,0	48,0	48,0	Thửa đất số 416, tờ bản đồ 45 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
24	Điểm sinh hoạt Xóm 1A+2 / thôn Xuân Hòa	382,0	48,0	48,0	Thửa đất số 69, tờ bản đồ 53 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
25	Điểm sinh hoạt Xóm 2 / thôn Phú Sơn	295,0	48,0	48,0	Thửa đất số 1007, tờ bản đồ 36 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sàn sử dụng	5	6	7	8	9
26	Sân vận động Trung Tâm Xã/ thôn Mỹ Danh	12.000,0			Thừa đất số 112, tờ bản đồ 35 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
27	Sân vận động/ thôn Xuân Mỹ	12.000,0			Thừa đất số 320, tờ bản đồ 55 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
28	Sân vận động/ thôn Mỹ Danh	6.688,0			Thừa đất số 742, tờ bản đồ 20 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
29	Sân vận động/ thôn Hội Đức	5.093,0			Thừa đất số 418, tờ bản đồ 28 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
30	Sân vận động/ thôn Vĩnh Tuy	4.760,0			Thừa đất số 383, tờ bản đồ 15 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
31	Sân vận động/ thôn Phú Sơn	3.648,0			Thừa đất số 334, tờ bản đồ 42 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
VII	UBND xã Tịnh Trà								
1	Trụ sở UBND xã/ thôn Phú Thành	2.548,0	646,0	926,0	Có GCNQSDĐ số CT02530	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà văn hóa xã/ thôn Phú Thành	8.361,0	672,0	672,0	Thừa đất số 137 tờ bản đồ số 35, theo bản đồ đo đạc năm 2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà văn hóa thôn/ thôn Trà Bình	1.890,0	150,0	150,0	Thừa đất số 869 tờ bản đồ số 6, theo bản đồ đo đạc năm 2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Đất (m2)	Diện tích		Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
			Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sàn sử dụng	5	6	7	8	9
4	Nhà văn hóa thôn/ thôn Thạch Nội	2.760,0	200,0	200,0	Thửa đất số 495 tờ bản đồ số 13, theo bản đồ đo đặt năm 2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn/ thôn Phú Thành	2.044,0	200,0	200,0	Thửa đất số 132 tờ bản đồ số 35, theo bản đồ đo đặt năm 2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Nhà văn hóa thôn/ thôn Khánh Mỹ	4.750,0	110,0	110,0	Thửa đất số 617 tờ bản đồ số 25, theo bản đồ đo đặt năm 2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Sân vận động xã/ thôn Phú Thành	10.942,0			Có GCNQSDĐ số CT02529	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Sân vận động/ thôn Thạch Nội	19.824,0			Thửa đất số 496 tờ bản đồ số 13, theo bản đồ đo đặt năm 2018	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Sân vận động/ thôn Trà Bình	3.328,0			Thửa đất số 1055 tờ bản đồ số 6, theo bản đồ đo đặt năm 2018	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Sân vận động/ thôn Khánh Mỹ	5.124,0			Thửa đất số 670 tờ bản đồ số 25, theo bản đồ đo đặt năm 2018	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
VIII	UBND xã Tịnh Phong								
1	Trụ sở UBND xã/ thôn Thế Long	6.986,0	1.175,0	2.350,0	Có GCNQSDĐ số CT02681	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9	
2	Nhà văn hóa thôn/ thôn Phong Niên Hạ	1.000,0	450,0	450,0	Có GCNQSDĐ số CT02671	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
3	Nhà văn hóa thôn/ thôn Phong Niên Thượng	600,0	300,0	300,0	Có GCNQSDĐ số CT02673	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
4	Nhà văn hóa thôn/ thôn Phong Niên Thượng	2.272,0	150,0	150,0	Có GCNQSDĐ số CT02675	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
5	Nhà văn hóa thôn/ thôn Phong Niên Thượng	2.208,0	150,0	150,0	Có GCNQSDĐ số CT026674	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
6	Nhà văn hóa thôn/ thôn Trường Thọ	633,0	300,0	300,0	Có GCNQSDĐ số CT02680	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
7	Nhà văn hóa thôn/ thôn Thế Lợi	800,0	450,0	450,0	Có GCNQSDĐ số CT02676	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
8	Nhà văn hóa thôn/ thôn Thế Long	1.350,0	300,0	300,0	Có GCNQSDĐ số CT04308	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
9	Nhà văn hóa thôn/ thôn Thế Long	4.000,0	450,0	450,0	Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 20, xã Tịnh Phong theo bản đồ đo đạc năm 2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
10	Nhà văn hóa thôn/ thôn Phú Lộc	3.162,0	250,0	250,0	Thửa đất số 39, Tờ BĐ 21, xã Tịnh Phong	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
11	Sân vận động / thôn Phong Niên Hạ	6.324,0			Có GCNQSDĐ số CT02672	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
12	Sân vận động / thôn Thế Lợi	6.459,0			Có GCNQSDĐ số CT02677	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
13	Sân vận động / thôn Phú Lộc	6.010,0			Có GCNQSDĐ số CT02669	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
14	Sân vận động / thôn Trường Thọ	5.639,0			Có GCNQSDĐ số CT02679	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
IX	UBND Xã Tịnh Hà									

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9	
1	Trụ sở làm việc UBND xã/ thôn Hà Trung	3.343,0	1.199,0	1.026,0	Thửa đất số 1241 tờ bản đồ số 15 (bản đồ năm 2018)	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
2	Nhà văn hóa thôn/ thôn Hà Tây	1.135,7	116,0	116,0	Thửa đất số 431 tờ bản đồ số 20 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
3	Nhà văn hóa thôn/ thôn Lâm Lộc Nam	2.593,5	63,0	63,0	Thửa đất số 310 tờ bản đồ số 15 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
4	Nhà văn hóa thôn/ thôn Lâm Lộc Bắc	628,8	54,0	54,0	Thửa đất số 687 tờ bản đồ số 4 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
5	Nhà văn hóa thôn/ thôn Hà Nhai Bắc	445,2	55,0	55,0	Thửa đất số 1384 tờ bản đồ số 12 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
6	Nhà văn hóa thôn/ thôn Hà Nhai Nam	259,3	64,0	64,0	Thửa đất số 34 tờ bản đồ số 31 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
7	Nhà văn hóa thôn/ thôn Thọ Lộc Bắc	396,0	140,0	140,0	Thửa đất số 661 tờ bản đồ số 23 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
8	Nhà văn hóa thôn/ thôn Thọ Lộc Đông	271,6	51,0	51,0	Thửa đất số 2486 tờ bản đồ số 23 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Đất (m2)	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
			Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3			5	6	7	8	9	
9	Nhà văn hóa thôn/ thôn Trường Xuân	150,0	150,0		Thừa đất số 1439 tờ bản đồ số 27 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
10	Sân vận động/ thôn Hà Nhai Bắc	3.917,1			Thừa đất số 1433 tờ bản đồ số 12 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
11	Sân vận động/ thôn Lâm Lộc	9.042,9			Thừa đất số 1438 tờ bản đồ số 15 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
12	Sân vận động/ thôn Hà Nhai Nam	2.675,1			Thừa đất số 53 tờ bản đồ số 31 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
13	Sân vận động/ thôn Hà Trung	7.583,3			Thừa đất số 1240 tờ bản đồ số 10 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
14	Sân vận động/ thôn Trường Xuân	4.587,0			Thừa đất số 1439 tờ bản đồ số 27 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
15	Điểm sinh hoạt xóm 3/ thôn Lâm Lộc Nam	529,0	93,1	93,1	Thừa đất số 136, 111 tờ bản đồ số 14 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
16	Điểm sinh hoạt xóm 4/ thôn Lâm Lộc Nam	752,1	66,0	66,0	Thừa đất số 161 tờ bản đồ số 14 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sản sử dụng	5	6	7	8	9
1	Trụ sở UBND xã/ thôn Bình Bắc	11.413,0	1.048,6	549,7	QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 11/02/2009 của UBND tỉnh, chưa có sổ đỏ	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Nhà văn hóa thôn/ thôn Bình Bắc	275,4	112,0	112,0	Có GCN QSDĐ số CT06645	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Nhà văn hóa thôn/ thôn Bình Nam	1.173,0	80,0	80,0	Thửa đất số 64 tờ bản đồ số 46 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Sân vận động xã/ thôn Bình Bắc	11.096,0			Thửa đất số 643 tờ bản đồ số 14 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Sân vận động thôn/ thôn Bình Bắc	4.482,0			Thửa đất số 782 tờ bản đồ số 5 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Sân vận động thôn/ thôn Bình Đông	5.000,0			Thửa đất số 1110 tờ bản đồ số 23 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Sân vận động thôn/ thôn Bình Nam	4.000,0			Thửa đất số 976 tờ bản đồ số 33 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Nhà sinh hoạt KDC Số 1 / thôn Bình Đông	293,0	48,0	48,0	Thửa đất số 26 tờ bản đồ số 36 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Nhà sinh hoạt KDC Số 2 / thôn Bình Đông	150,0	48,0	48,0	Thửa đất số 228 tờ bản đồ số 29 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà sinh hoạt KDC Số 3 / thôn Bình Đông	1.181,0	55,0	55,0	Thửa đất số 1050 tờ bản đồ số 23 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9	
11	Nhà sinh hoạt KDC Số 4 / thôn Bình Đông	200,0	55,0	55,0	Thửa đất số 19 tờ bản đồ số 24 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
12	Nhà sinh hoạt KDC Số 5 / thôn Bình Đông	150,0	48,0	48,0	Thửa đất số 559 tờ bản đồ số 22 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
13	Nhà sinh hoạt KDC Số 1 / thôn Bình Nam	340,0	48,0	48,0	Thửa đất số 424 tờ bản đồ số 14 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
14	Nhà sinh hoạt KDC Số 2 / thôn Bình Nam	224,0	48,0	48,0	Thửa đất số 268 tờ bản đồ số 20 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
15	Nhà sinh hoạt KDC Số 3 / thôn Bình Nam	240,0	48,0	48,0	Thửa đất số 54 tờ bản đồ số 26 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
16	Nhà sinh hoạt KDC Số 4 / thôn Bình Nam	200,0	48,0	48,0	Thửa đất số 73 tờ bản đồ số 45 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
17	Nhà sinh hoạt KDC Số 5 / thôn Bình Nam	400,0	48,0	48,0	Thửa đất số 46 tờ bản đồ số 26 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
18	Nhà sinh hoạt KDC Số 6 / thôn Bình Nam	1.206,0	55,0	55,0	Thửa đất số 142 tờ bản đồ số 46 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
19	Nhà sinh hoạt KDC Số 7 / thôn Bình Nam	304,0	48,0	48,0	Thửa đất số 1024 tờ bản đồ số 33 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
20	Nhà sinh hoạt KDC Số 8 / thôn Bình Nam	300,0	48,0	48,0	Thửa đất số 598 tờ bản đồ số 21 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sản sử dụng	5	6	7	8	9
21	Nhà sinh hoạt KDC Số 9 / thôn Bình Nam	280,0	48,0	48,0	Thửa đất số 644 tờ bản đồ số 27 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
22	Nhà sinh hoạt KDC Số 10 / thôn Bình Nam	200,0	55,0	55,0	Thửa đất số 1046 tờ bản đồ số 48 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
23	Nhà sinh hoạt KDC Số 11 / thôn Bình Nam	200,0	48,0	48,0	Thửa đất số 1046 tờ bản đồ số 48 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24	Nhà sinh hoạt KDC Số 12 / thôn Bình Nam	472,0	48,0	48,0	Thửa đất số 635 tờ bản đồ số 33 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25	Nhà sinh hoạt KDC Số 1 / thôn Bình Bắc	220,0	48,0	48,0	Thửa đất số 1026 tờ bản đồ số 5 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
26	Nhà sinh hoạt KDC Số 2 / thôn Bình Bắc	200,0	30,0	30,0	Thửa đất số 782 tờ bản đồ số 5 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
27	Nhà sinh hoạt KDC Số 3 / thôn Bình Bắc	150,0	30,0	30,0	Thửa đất số 475 tờ bản đồ số 10 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
28	Nhà sinh hoạt KDC Số 4 / thôn Bình Bắc	292,0	30,0	30,0	Thửa đất số 892 tờ bản đồ số 10 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
29	Nhà sinh hoạt KDC Số 6 / thôn Bình Bắc	410,0	48,0	48,0	Thửa đất số 688 tờ bản đồ số 14 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
30	Nhà sinh hoạt KDC Số 7 / thôn Bình Bắc	300,0	48,0	48,0	Thửa đất số 358 tờ bản đồ số 9 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9	
31	Nhà sinh hoạt KDC Số 8 / thôn Bình Bắc	804,0	48,0	48,0	Thửa đất số 2 tờ bản đồ số 41 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
32	Nhà sinh hoạt KDC Số 9 / thôn Bình Bắc	400,0	30,0	30,0	Thửa đất số 241 tờ bản đồ số 3 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
33	Nhà sinh hoạt KDC Số 10 / thôn Bình Bắc	500,0	48,0	48,0	Thửa đất số 302 tờ bản đồ số 7 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
34	Trụ sở Đội thuế xã/ thôn Bình Bắc	171,0	171,0	171,0	Có GCNQSDP số TC04225	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
XI	UBND xã Tịnh Thọ									
1	Trụ Sở UBND xã/ Xóm 2, thôn Thọ Trung	4.250,0	1.095,3	1.095,3	Có GCNQSDP: T00108	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
2	Nhà văn hoá Xóm 1/ thôn Thọ Tây	1.675,0	28,0	28,0	Có GCNQSDP số CT 02338	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
3	Nhà văn hoá Xóm 2/ thôn Thọ Tây	663,0	28,0	28,0	Có GCNQSDP số CT 02339	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
4	Nhà văn hoá Xóm 3/ thôn Thọ Tây	1.389,0	32,0	32,0	Có GCNQSDP số CT 02340	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
5	Nhà văn hoá Xóm 5/ thôn Thọ Tây	1.166,0	35,0	35,0	Có GCNQSDP số CT 02342	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
6	Nhà văn hoá Xóm 6/ thôn Thọ Tây	1.824,0	40,0	40,0	Thửa đất số 441 tờ bản đồ số 8 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
7	Nhà văn hoá Xóm 4/ thôn Thọ Tây	712,0	40,0	40,0	Có GCNQSDP số CT 02341	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
8	Nhà văn hoá Xóm 1/ thôn Thọ Bắc	698,0	32,0	32,0	Có GCNQSDP số CT 02343	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sàn sử dụng	5	6	7	8	9
9	Nhà văn hoá Xóm 2/ thôn Thọ Bắc	318,0	28,0	28,0	Có GCNQSDĐ số CT 02344	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Nhà văn hoá Xóm 3/ thôn Thọ Bắc	447,0	40,0	40,0	Có GCNQSDĐ số CT 02345	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Nhà văn hoá Xóm 4/ thôn Thọ Bắc	203,0	35,0	35,0	Có GCNQSDĐ số CT 02347	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Nhà văn hoá Xóm 5/ thôn Thọ Bắc	881,0	40,0	40,0	Có GCNQSDĐ số CT 02346	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Nhà văn hoá Xóm 6/ thôn Thọ Bắc	712,0	40,0	40,0	Thửa đất số 436 tờ bản đồ số 40 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Nhà văn hoá Xóm 7/ thôn Thọ Bắc	219,0	35,0	35,0	Có GCNQSDĐ số CT 02348	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Nhà văn hoá Xóm 1/ thôn Thọ Nam	777,0	32,0	32,0	Có GCNQSDĐ số CT 02354	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Nhà văn hoá Xóm 2/ thôn Thọ Nam	318,0	28,0	28,0	Thửa đất số 547 tờ bản đồ số 44 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Nhà văn hoá Xóm 3/ thôn Thọ Nam	270,0	28,0	28,0	Có GCNQSDĐ số CT 02355	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Nhà văn hoá Xóm 4/ thôn Thọ Bnam	1.761,0	35,0	35,0	Có GCNQSDĐ số CT 02356	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19	Nhà văn hoá Xóm 1/ thôn Thọ Trung	968,0	32,0	32,0	Có GCNQSDĐ số CT02350	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
20	Nhà văn hoá Xóm 2/ thôn Thọ Trung	429,0	28,0	28,0	Có GCNQSDĐ số CT02351	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	Nhà văn hoá Xóm 3/ thôn Thọ Trung	50,0	50,0	50,0	Thửa đất số 158 tờ bản đồ số 23 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
22	Nhà văn hoá Xóm 4/ thôn Thọ Trung	1.971,0	70,0	70,0	Thửa đất số 673 tờ bản đồ số 29 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sân sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9	
23	Nhà văn hoá Xóm 5/ thôn Thọ Trung	1.508,0	40,0	40,0	Có GCNQSDĐ số CT02352	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
24	Nhà văn hoá Xóm 7/ thôn Thọ Trung	1.548,0	32,0	32,0	Có GCNQSDĐ số CT02353	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
25	Nhà văn hoá Xóm 1/ thôn Thọ Đông	40,0	40,0	40,0	Thửa đất số 369 tờ bản đồ số 40 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
26	Nhà văn hoá Xóm 4/ thôn Thọ Đông	60,0	48,0	48,0	Thửa đất số 110 tờ bản đồ số 51 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
27	Nhà văn hoá Xóm 5/ thôn Thọ Đông	490,0	40,0	40,0	Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 53 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
28	Nhà văn hoá Xóm 3/ thôn Thọ Bắc	968,0			Thửa đất số 436 tờ bản đồ số 40 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
29	Nhà văn hoá Xóm 4/ thôn Thọ Nam	2.015,0			Thửa đất số 337 tờ bản đồ số 45 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
30	Nhà văn hoá Xóm 2/ thôn Thọ Đông	2.062,0			Thửa đất số 852 tờ bản đồ số 46 (bản đồ năm 2018)	Điểm sinh hoạt văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
31	Sân vận động xã/ Xóm 4, thôn Thọ Nam	3.500,0			Thửa đất số 691 tờ bản đồ số 37 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
32	Sân vận động Thôn/ Xóm 4, thôn Thọ Tây	9.827,0			Có GCNQSDĐ số CT02337	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
33	Sân vận động Thôn/ Xóm 7, thôn Thọ Trung	5.995,0			Có GCNQSDĐ số CT02343	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
34	Sân vận động Thôn/ Xóm 1, thôn Thọ Trung	14.000,0			Thửa đất số 545 tờ bản đồ số 30 (bản đồ năm 2018)	Đất cơ sở Thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sản sử dụng	5	6	7	8	9
35	Trụ sở Đội thuế xã/ Xóm 4, thôn Thọ Trung	59,0	59,0	59,0	Có GCNQSDĐ số CT02357	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
C	CÁC TRƯỞNG								
I	CÁC TRƯỞNG MẦM NON								
1	Trường Mầm non Tỉnh Giang/ thôn An Hòa, xã Tỉnh Giang	3.198,8	1.320,8	1.320,8	Có GCN: CT 07768	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trường Mầm non Tỉnh Đông								
	Trường Mầm non Tỉnh Đông/ thôn An Bình, xã Tỉnh Đông	3.000,0	1.519,0	1.519,0	Có GCN: CT 06400 và T00731	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Đông/ thôn Tân An, xã Tỉnh Đông	1.242,0	152,0	152,0	Có GCNQSDĐ số T 00112	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường Mầm non Tỉnh Minh/ thôn Minh Long, xã Tỉnh Minh	2.927,7	764,5	1.020,6	Có GCNQSDĐ: CT 05623 và CT 10759	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường Mầm non Tỉnh Bắc/ thôn Minh Mỹ, xã Tỉnh Bắc	4.464,2	1.354,5	1.354,5	Có GCNQSDĐ: CT 16383	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường Mầm non Tỉnh Hiệp								
	Trường Mầm non Tỉnh Hiệp/ thôn Mỹ Danh	2.734,7	260,0	260,0	Có GCNQSDĐ: CT 17296	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Hiệp/ thôn Hội Đức	1.050,0	54,0	54,0	Thửa đất số 1186, tờ bản đồ số 28, do năm 2018	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Hiệp/ thôn Vĩnh Tuy	1.352,4	108,0	108,0	Có GCNQSDĐ: CT 17094	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Hiệp/ thôn Xuân Mỹ	2.202,7	54,0	54,0	Có GCNQSDĐ: CT12980	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường Mầm non Tỉnh Trà/ thôn Trà Bình	7.715,0	1.291,2	1.291,2	Có GCNQSDĐ: CT09304	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Đất (m2)	Diện tích		Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
			Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sàn sử dụng	5	6	7	8	9
7	Trường Mầm non Tỉnh Bình								
	Trường Mầm non Tỉnh Bình/ thôn Bình Bắc	1.792,0	529,6	449,6	Có GCNQSDP: CT 06406	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Bình/ thôn Bình Nam	900,0	360,0	360,0	Có GCNQSDP: CT 01196	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường Mầm non Tỉnh Sơn								
	Trường Mầm non Tỉnh Sơn/ thôn Đông	4.000,0	1.009,2	439,2	Có GCNQSDP, số CT05640 (3000m ²), còn 1000m ² đang đề nghị cấp giấy	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Sơn/ thôn Diên niên	1.042,0	475,2	622,2	Thửa đất số 301, tờ bản đồ số 15, đo năm 2018	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Sơn/ thôn Diên niên	1.426,0	311,0	622,0	Có GCNQSDP số T00019	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường Mầm non Tỉnh Hà / thôn Thọ Lộc Bắc	2.250,0	1.500,0	1.500,0	Có GCNQSDP, số CT05560	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường Mầm non Tỉnh Thọ								
	Trường Mầm non Tỉnh Thọ/ thôn Thọ Trung	4.000,0	699,0	699,0	Có GCNQSDP: CT 05573	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Thọ/ thôn Thọ Tây	763,0	228,0	228,0	Có GCNQSDP: T01752	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trường Mầm non Tỉnh Phong								
	Trường Mầm non Tỉnh Phong/ thôn Thế Long	790,0	130,0	130,0	Có GCNQSDP, CT00019	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Phong/ thôn Thế Lợi	2.329,3	778,6	655,9	Có GCNQSDP, CT11073	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Trường Mầm non Tỉnh Phong/ thôn Phú Lộc	275,0	150,0	150,0	Có GCNQSDP, CT00020	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	DT xây dựng	Nhà (m2) 4a DT xây dựng	4b DT sản sử dụng				
1	2	3				5	6	7	8
	Trường Mầm non Tịnh Phong/ thôn Phong Niên hạ	886,0	229,4	229,4	229,4	Có GCNQSDĐ, CT03374	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
	Trường Mầm non Tịnh Phong/ thôn Phong Niên Thượng	1.243,0	164,2	164,2	164,2	Có GCNQSDĐ, CT 09282	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
	Trường Mầm non Tịnh Phong/ thôn Trường Thọ	300,0	180,0	180,0	180,0	Có GCNQSDĐ, CT 00127	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
II	CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC								
1	Trường Tiểu học Tịnh Giang/ thôn Cù Và, xã Tịnh Giang	7.587,0	700,9	700,9	1.562,3	Có GCNQSDĐ, CT 01194	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
2	Trường Tiểu học Tịnh Đông/ thôn Đồng Nhơn Bắc, xã Tịnh Đông	5.451,0	1.335,1	1.335,1	2.397,7	Có GCN: T00455	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
3	Trường Tiểu học Tịnh Minh/ thôn Minh Thành, xã Tịnh Minh	5.931,0	1.048,6	1.048,6	1.440,0	Có GCNQSDĐ số 01717	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
4	Trường Tiểu học Tịnh Bắc/ thôn Minh Mỹ, xã Tịnh Bắc	9.594,8	288,0	288,0	576,0	Có GCNQSDĐ: CT01198	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
5	Trường Tiểu học Tịnh Hiệp								
	Trường Tiểu học Tịnh Hiệp/ thôn Vĩnh Tuy, xã Tịnh Hiệp	3.194,0	480,0	480,0	480,0	Có GCNQSDĐ: CT01973	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
	Trường Tiểu học Tịnh Hiệp/ thôn Hội Đức	9.388,0	280,0	280,0	560,0	Có GCNQSDĐ: CT01944	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
	Trường Tiểu học Tịnh Hiệp/ thôn Xuân Hòa	3.641,0	366,0	366,0	732,0	Có GCNQSDĐ: CT01972	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
6	Trường Tiểu học Tịnh Trà/ thôn Phú Thành, xã Tịnh Trà	11.577,0	839,0	839,0	1.678,0	Có GCNQSDĐ: T01063	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
7	Trường Tiểu học Tịnh Bình								
	Trường Tiểu học Tịnh Bình/ thôn Bình Bắc, xã Tịnh Bình	7.557,3	512,0	512,0	1.024,0	Có GCNQSDĐ: CT00074	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
	Trường Tiểu học Tịnh Bình/ thôn Bình Nam, xã Tịnh Bình	4.600,0	384,0	384,0	768,0	Có GCNQSDĐ: CT06176	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
8	Trường Tiểu học Tịnh Thọ								

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú	
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT xây dựng						DT sàn sử dụng
			4a	4b							
1	2	3			5	6	7	8	9		
	Trường Tiểu học Tịnh Thọ/ thôn Thọ Bắc	6.444,0	1.151,1	2.062,3	Giấy CNQSDĐ số 00007/QSDĐ/1614 /QĐ-CT và Giấy CHQSDĐ số CT04800	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			
	Trường Tiểu học Tịnh Thọ/ thôn Thọ Nam	7.136,0	839,6	999,5	Giấy CNQSDĐ số T00064 QSDĐ/2838/QĐ-UB	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			
9	Trường Tiểu học Tịnh Phong										
	Trường Tiểu học Tịnh Phong / thôn Thố Lợi	2.764,0	546,9	1.032,8	Có GCNQSDĐ, B0507147	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			
	Trường Tiểu học Tịnh Phong / thôn Phú Lộc	5.972,5	225,0	450,0	Có GCNQSDĐ, B0507086	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			
	Trường Tiểu học Tịnh Phong / thôn Phong Niên Hạ	6.736,0	863,1	1.377,5	Có GCNQSDĐ, A1434434	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			
	Trường Tiểu học Tịnh Phong / thôn Thố Long	4.278,0	344,0	624,0	Thửa đất số 496, tờ bản đồ số 20, đo năm 2018	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			
10	Trường Tiểu học Tịnh Sơn										
	Trường Tiểu học Tịnh Sơn/ thôn Đông	7.560,0	1.319,8	1.402,1	Có GCNQSDĐ, T00018	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			
	Trường Tiểu học Tịnh Sơn/ thôn Diên Niên	6.762,5	448,0	448,0	Có GCNQSDĐ, T00838	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			
11	Trường Tiểu học Tịnh Hà										
	Trường Tiểu học Tịnh Hà/ thôn Lâm Lộc, xã Tịnh Hà	3.710,0	584,4	771,0	Có GCNQSDĐ, số 00002	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			
	Trường Tiểu học Tịnh Hà/ thôn Thọ Lộc	12.144,0	672,0	1.344,0	Quyết định số 149/QĐ-CT ngày 21/01/1998	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng			

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/chở thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9
III	CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ								
1	Trường THCS Tịnh Giang/ thôn Cù Vả, xã Tịnh Giang	8.700,0	667,0	1.335,0	Có GCNQSDĐ: T01098	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trường THCS Tịnh Đông/ thôn An Bình, xã Tịnh Đông	7.085,0	893,8	1.571,6	Có GCNQSDĐ, số T00460-042399	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường THCS Phạm Kiệt/ thôn Minh Thành, xã Tịnh Minh	6.721,0	913,5	1.299,0	Có GCNQSDĐ: T01751	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường THCS Tịnh Bắc/ thôn Minh Mỹ, xã Tịnh Bắc	7.920,0	2.320,0	4.300,0	Có GCNQSDĐ: T00498	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường THCS Tịnh Hiệp/ thôn Mỹ Danh, xã Tịnh Hiệp	16.696,0	818,6	1.637,3	Có GCNQSDĐ: T00543-T00036	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường THCS Tịnh Trà/ thôn Khánh Mỹ, xã Tịnh Trà	10.400,0	660,0	1.320,0	Có GCNQSDĐ: T00724	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường THCS Tịnh Bình/ tại thôn Bình Nam, xã Tịnh Bình	11.838,0	2.852,6	967,7	Có GCNQSDĐ: CT05247-T00113	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	THCS Tịnh Thọ/ thôn Thọ Trung, xã Tịnh Thọ	21.900,0	1.721,0	2.688,7	Có GCNQSDĐ: T00107	Giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	THCS Tịnh Phong/ thôn Thế Long, xã Tịnh Phong	12.377,0	3.522,0	6.644,0	Có GCNQSDĐ: T00609-00009	Giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường THCS Nguyễn Chánh/ thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà	17.900,0	1.371,0	1.692,0	Có GCNQSDĐ: CT02007	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trường THCS Tịnh Sơn/ thôn Đông, xã Tịnh Sơn	8.256,0	1.403,0	1.358,0	Có GCNQSDĐ: T00033	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Phụ lục số 02

HÌNH THỨC: THU HỒI

(Kèm theo Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh)



STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích		Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú	
		Đất (m ²)	DT xây dựng						
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
1	Hội y học cổ truyền/ Số 262 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	59,8	51,0	51,0	Có giấy CNQSDĐ số CT 02662	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Thu hồi	Việc thu hồi thực hiện sau khi được bố trí trụ sở làm việc mới
2	Hội người mù/ Số 60 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	40,6	36,6	36,6	Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 25 (bản đồ năm 2016)	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Thu hồi	Việc thu hồi thực hiện sau khi được bố trí trụ sở làm việc mới
3	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Sơn Tịnh/ Số 358 Võ Nguyên Giáp, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	5.628,0	1.109,0	1.109,0	Giấy CNQSDĐ số X120155	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Đang sử dụng	Thu hồi	Việc thu hồi thực hiện sau khi được bố trí trụ sở làm việc mới
4	Hội đồng nhân dân huyện/ Số 67 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	71,4	70,5	130,7	Có giấy CNQSDĐ số CT02665	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không sử dụng	Thu hồi	
5	Hợp tác xã Vận tải/ Số 744 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	117,8	38,0	38,0	Có giấy CNQSDĐ số CT 02658	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không sử dụng	Thu hồi	
6	Đội Quản lý thị trường/ Số 692 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	79,4	64,6	64,6	Có giấy CNQSDĐ số 02663	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không sử dụng	Thu hồi	
7	Hạt Quản lý Giao thông/ Số 626 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	64,6	38,9	57,1	Có giấy CNQSDĐ số CT02659	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không sử dụng	Thu hồi	
8	Công ty Cổ phần Điện & Môi trường huyện/ Số 286 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	151,4	69,8	155,6	Có giấy CNQSDĐ số 02660	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không sử dụng	Thu hồi	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sản sử dụng	5	6	7	8	9
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện/ Số 361, Võ Nguyên Giáp, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	3.520,0	596,1	596,1	Có giấy GCN số CT04481	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không sử dụng	Thu hồi	
10	UBND xã Tịnh Phong								
	Kho bảo vệ thực vật/ thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong	264,0	50,0	50,0	Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 21, xã Tịnh Phong theo Nghị định số 64/1998/ND-CP	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không sử dụng	Thu hồi	

Phụ lục số 03

HÌNH THỨC: ĐIỀU CHUYỂN

(Kèm theo Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh)



STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích		Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú	
		Đất (m ²)	Nhà (m ²)						
		4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sản sử dụng	5	6	7	8	9
1	Trung tâm Phát triển quỹ đất/ Số 482 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	902,0	160,0	332,0	Có giấy CNQSDĐ số CT02665	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không còn sử dụng	Điều chuyển (giao cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh)	
2	Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Sơn Tịnh/ Số 398 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	526,0	217,0	464,0	Có giấy CNQSDĐ số CT 02661	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không sử dụng	Điều chuyển (giao cho Hội chữ thập đỏ tỉnh)	
3	Trường mầm non xã Tịnh Đông								
	Trường mầm non bán công xã Tịnh Đông-cũ/ thôn Hương Nhượng Nam	1.330,0	123,5	123,5	Giấy CNQSDĐ số T 00747	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Đông)	
	Trường mầm non bán công xã Tịnh Đông-cũ/ thôn Đông Nhon Bắc	774,0	123,5	123,5	Giấy CNQSDĐ số T 00746	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Đông)	
4	Trường Mầm non xã Tịnh Bắc								
	Trường Mầm non Tịnh Bắc, xóm 6, thôn Minh Xuân -cũ/ điểm xóm 6 thôn Minh Xuân	571,0	150,0	150,0	Có GCNQSDĐ, số CT01156, ngày 16/3/2012	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Bắc)	
	Trường Mầm non Tịnh Bắc, xóm 4, thôn Minh Xuân -cũ/ thôn Minh Xuân	601,0	160,0	160,0	Có GCNQSDĐ, số CT01155 ngày 16/3/2012	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Bắc)	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3		DT sản sử dụng	5	6	7	8	9
	Trường Mầm non Tịnh Bắc, phân hiệu Trung tâm- cũ/ thôn Minh Mỹ	857,0	250,0	250,0	Có GCNQSDĐ, số CT01158, ngày 16/3/2012	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Bắc)	
5	Trường Tiểu học xã Tịnh Sơn								
	Trường Tiểu học- cũ/ thôn Bình Thọ	905,5	112,0	112,0	Có GCNQSDĐ số T00018	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Sơn)	
	Trường Tiểu học- cũ/ thôn An Thọ	2.704,0	255,0	255,0	Có GCNQSDĐ số T00018	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Sơn)	
6	Trường Mầm non xã Tịnh Trà								
	Trường Mầm non - cũ/ thôn Trà Bình	595,0			Có giấy CNQSDĐ số CT00904	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Trà)	
	Trường Mầm non - cũ/ thôn Khánh Mỹ	572,0			Có giấy CNQSDĐ số CT00905	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Trà)	
	Trường Mầm non - cũ/ thôn Thạch Nội	1.087,0			Có giấy CNQSDĐ số CT00906	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Trà)	
7	Trường Mầm non xã Tịnh Hà								
	Trường Mầm non - cũ/ thôn Lâm Lộc	517,4	52,0	52,0	Có giấy CN QSD đất, với số vào sổ CT 00579	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không còn sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Hà)	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sản sử dụng	5	6	7	8	9
	Trường Mầm non -cũ/ thôn Thọ Lộc Đông	569,8	42,8	42,8	Có giấy CN QSD đất, với số vào sổ CT 00577	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Hà)	
	Trường Mầm non -cũ/ thôn Hà Nhai Nam	1.073,9	37,0	37,0	Có giấy CN QSD đất, với số vào sổ CT 00574	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không còn sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Hà)	
	Trường Mầm non - cũ/ thôn Hà Nhai Bắc	354,7	63,8	63,8	Có giấy CN QSD đất, với số vào sổ CT 00576	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Hà)	
	Trường Mầm non -cũ/ thôn Hà Trung	508,2	198,0	198,0	Có giấy CN QSD đất, với số vào sổ CT 00573	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Hà)	
	Trường Mầm non - cũ/ thôn Thọ Lộc Tây	278,0	120,0	120,0	Có giấy CN QSD đất, với số vào sổ CT 00577	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Hà)	
8	Trường Tiểu học xã Tịnh Hà								
	Trường Tiểu học -cũ/ thôn Hà Tây	855,2	200,0	200,0	Có giấy CN QSD đất, với số vào sổ 00002, số thửa 79, tờ BD số 19	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Hà)	
	Trường Tiểu học Tịnh Hà 1 (cũ)/ thôn Ngân Giang	956,9	143,8	143,8	Có giấy CN QSD đất, với số vào sổ 00002, số thửa 515, tờ BD số 21	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không còn sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Hà)	
9	Trường Mầm non xã Tịnh Bình								

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích				Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)		DT sản sử dụng					
			4a	4b						
1	2	3	DT xây dựng	DT sản sử dụng	5	6	7	8	9	
	Trường Mầm non - cũ/ Đội 3 Bình Đông, xã Tịnh Bình	1.200,0	45,5	45,5	Quyết định số 982/QĐ-CT ngày 13/5/2004 của UBND tỉnh, chưa có sổ đỏ	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Bình)		
	Trường mẫu giáo xã Tịnh Bình-cũ/ thôn Bình Đông	1.466,0	66,1	66,1	Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 26/5/2004 của UBND tỉnh, chưa có sổ đỏ	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Bình)		
10	Trường Tiểu học xã Tịnh Bình									
	Trường Tiểu học số 2 xã Tịnh Bình (cũ)/ thôn Bình Bắc	750,0	750,0	750,0	Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 17/11/1997 của UBND tỉnh, chưa có sổ đỏ	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Điều chuyển giao cho Trường MN Tịnh Bình		
	Trường Tiểu học- (cũ)/ thôn Bình Đông	2.660,0	240,0	240,0	Có GCNQSDĐ số T00124	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không sử dụng	Điều chuyển (giao cho UBND xã Tịnh Bình)		

HÌNH THỨC: BẢN TÀI SẢN TRÊN ĐẤT, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số **1625/QĐ-UBND** ngày **18/10/2021** của UBND tỉnh)

Phụ lục số 04

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích		Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú	
		Đất (m ²)	Nhà (m ²)						
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9
I	Trường Tiểu học xã Tịnh Đông								
1	Trường Tiểu học Tịnh Đông phần hiệu Tân Phước (cũ)/ thôn Tân Phước	983,0			Thửa đất số 1153, tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSD đất	
2	Trường Tiểu học Tịnh Đông, phần hiệu Tân An (cũ)/ thôn Tân An	677,0			Thửa đất số 775, tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSD đất	
II	Trường Mầm non Tịnh Đông								
1	Trường Mầm non Tịnh Đông điểm Hưng Nhượng Bắc (cũ)/ thôn Hưng Nhượng Bắc	2.005,0			Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 18, đo vẽ năm 1996	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSD đất	
III	Trường Mầm non xã Tịnh Bắc								
1	Trường Mầm non Tịnh Bắc (cũ)/ xóm 2, thôn Minh Lộc	833,0	100,0	100,0	Có GCNQSDP, số CT01157, ngày 16/3/2012	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSD đất	
IV	Trường Mầm non xã Tịnh Minh								
1	Trường Mầm non Tịnh Minh (cũ)/ thôn Minh Long	1.005,2	215,0	215,0	Thửa đất số 78 tờ bản đồ số 15, đo vẽ năm 2018	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	HTXDVN N mợn sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSD đất	
V	UBND Xã Tịnh Hà								
1	Điểm sinh hoạt xóm 17/ thôn Hà Nhai Bắc	429,7			Thửa đất số 1021 tờ bản đồ số 12, đo vẽ năm 2018	Điểm sinh hoạt văn hóa	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSD đất	
2	Nhà văn hóa thôn/ thôn Ngân Giang	435,2	48,0	48,0	Thửa đất số 952 tờ bản đồ số 21, đo vẽ năm 2018	Đất cơ sở văn hóa	Không còn sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSD đất	

Phụ lục số 05

HÌNH THỨC: TẠM GIỮ TIẾP TỤC SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh)



STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2) 4a	DT sân sử dụng 4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sân sử dụng	5	6	7	8	9
I	Trường Mầm non xã Tỉnh Phong								
I	Trường Mầm non -(cũ)/ Phân hiệu thôn Trường Thọ	300,0			Có GCNQSDP số BK569764	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không sử dụng	Tạm giữ tiếp tục sử dụng	
II	Trường TH xã Tỉnh Phong								
I	Trường TH số 1 Tỉnh Phong (cũ)/ phân hiệu thôn Trường Thọ	2.942,0			Có GCNQSDP số CT05566	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không sử dụng	Tạm giữ tiếp tục sử dụng	
III	UBND xã Tỉnh Giang								
I	Đội thuế xã/ thôn Cù Và	60,0	60,0	60,0	Thửa đất số 62, tờ bản đồ 37 (bản đồ năm 2018)	Đất trụ sở CQ, các CT sự nghiệp của nhà nước	Không sử dụng	Tạm giữ tiếp tục sử dụng	
IV	UBND xã Tỉnh Bắc								
I	Trường Mẫu giáo (cũ) và Khu nhà nội trú giáo viên Trường THPT Ba Gia (cũ)/ thôn Minh Mỹ	3.180,8			Thửa đất số 320 tờ bản đồ số 21, đo vẽ năm 2018	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không còn sử dụng	Tạm giữ tiếp tục sử dụng	
V	UBND xã Tỉnh Hà								
I	Điểm sinh hoạt xóm 11/ thôn Hà Nhai Bắc	350,0			Thửa đất số 543 tờ bản đồ số 11 đo vẽ năm 2018	Điểm sinh hoạt văn hóa	Không sử dụng	Tạm giữ tiếp tục sử dụng	
2	Điểm sinh hoạt xóm 7/ thôn Thọ Lộc Bắc	112,1	49,0	49,0	Thửa đất số 482 tờ bản đồ số 22 đo vẽ năm 2018	Điểm sinh hoạt văn hóa	Không sử dụng	Tạm giữ tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/ Địa chỉ nhà đất	Diện tích			Hồ sơ pháp lý	Mục đích SD của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Hình thức xử lý	Ghi chú
		Đất (m2)	Nhà (m2)						
			4a	4b					
1	2	3	DT xây dựng	DT sản sử dụng	5	6	7	8	9
3	Điểm sinh hoạt xóm 8/ thôn Thọ Lộc Đông	492,8			Thửa đất số 27,28 tờ bản đồ số 26 do vẽ năm 2018	Điểm sinh hoạt văn hóa	Không còn sử dụng	Tạm giữ tiếp tục sử dụng	
VI	Trường Tiểu học xã Tịnh Hà								
1	Trường Tiểu học Tịnh Hà 1 (cũ)/ thôn Hà Nhai Nam	1.997,1	307,1	307,1	Giấy CN QSD đất: số vào sổ T 00015 và số vào sổ T 00861	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không còn sử dụng	Tạm giữ tiếp tục sử dụng	
2	Trường Tiểu học Tịnh Hà 1 (cũ)/ thôn Thọ Lộc Tây	2.917,7	290,5	290,5	Giấy CN QSD đất, số vào sổ T 00015	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	Không còn sử dụng	Tạm giữ tiếp tục sử dụng	